

BÁO CÁO

Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch

sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất

(Ban hành kèm theo nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)
(Năm báo cáo 2020)

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo được chuyển đổi từ Công ty Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của UBND thành phố Hải Phòng, với 100% vốn Nhà nước do UBND Thành phố Hải Phòng làm chủ sở hữu.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204002766 ngày 09/7/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 30/11/2010, mã số doanh nghiệp 0200110909. Vốn điều lệ được xác định tại thời điểm chuyển đổi là: 74.000 triệu đồng. Đến thời điểm ngày 08/11/2018 vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo là 248.000.000.000 đồng (theo Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 60948/18 ngày 08 tháng 11 năm 2018 bao gồm các mã ngành sau: 3600 (chính); 4390; 8299; 0311; 0321; 0322; 2592; 3312; 3311; 3320; 3700; 4101; 4102; 4299; 4222; 4291; 4212; 4229; 4321; 4322; 4653; 4773; 7110; 7020; 740; 0312.

Nhiệm vụ chính của Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao là quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo. Thực hiện Quyết định số 1464/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND thành phố Hải Phòng, về việc phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa

bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2018 của UBND thành phố Hải Phòng, về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang quản lý, vận hành toàn bộ 73 công trình cống dưới đê, 148 công trình kênh, 168 công trình kênh tưới sau trạm bơm, 170 công trình trên kênh, 04 trạm tiêu úng và 169 trạm bơm tưới.

Doanh thu hàng năm có nhiều biến động, hoạt động có hiệu quả trong các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh. Hàng năm đều đảm bảo ổn định được đời sống cho người lao động, trích nộp các khoản thuế cho ngân sách Nhà nước đầy đủ (chi tiết tại Phụ lục số: 01).

2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước

Công ty đã triển khai, kiểm tra, hướng dẫn các cụm và đội sản xuất thực hiện các chính sách về thủy lợi, tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi; tổ chức theo dõi diễn biến thời tiết, nguồn nước và các giải pháp thực hiện, đảm bảo cấp nước kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng như cấp nguồn cho các nhà máy nước sạch trên địa bàn huyện.

Các cụm, đội sản xuất tăng cường công tác quản lý khai thác các công trình, phối hợp với các địa phương trên địa bàn huyện có kế hoạch trữ nước, dẫn nước nhằm phát huy tối đa năng lực tưới của các công trình. Đồng thời tích cực kiểm tra đánh giá những hư hỏng, xuống cấp của các công trình có phương án sửa chữa kịp thời, phục vụ tốt cho sản xuất. Kiểm tra chuẩn bị các máy móc thiết bị, vật tư, nhiên liệu... chủ động rà soát phương án phòng chống hạn, chống úng, luôn sẵn sàng làm nhiệm vụ khi có sự cố xảy ra. Để phục vụ tốt cho công tác tưới tiêu Công ty đã thường xuyên tiến hành duy tu sửa chữa các công trình đang quản lý, khắc phục nhanh nhất các sự cố xảy ra, đảm bảo an toàn cho công trình, phục vụ tốt nhất cho công tác tưới.

Các dự án cải tạo nâng cấp trạm bơm điện, các công trình nâng cấp cứng hóa mương cứng sau trạm bơm... đã tổ chức thực hiện đầu tư hiệu quả, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho công tác quản lý, vận hành phục vụ sản xuất nông

nghiệp, công nghiệp và đời sống dân sinh kinh tế, đồng thời góp phần vào việc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

3. Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm

Trong 03 năm qua, nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty không có nhiều thay đổi lớn. Công ty vẫn đang tập trung khai thác dịch vụ cung cấp nước thô cho sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước trên địa bàn huyện cũng như cung cấp nước, sử dụng nước tưới tiêu phục vụ cho cây rau và cây hoa màu tại các khu công nghiệp. Tham gia đấu thầu, nhận thầu thi công các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.

4. Những khó khăn, thuận lợi ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

a) Thuận lợi:

- Trong những năm qua Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng cũng như các Sở ban ngành, đồng thời nhờ sự chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền các xã, thị trấn trên địa bàn huyện nên việc quản lý, khai thác các công trình thủy lợi đã phát huy hiệu quả cao.

- Nhà nước cũng như Thành phố có nhiều chủ trương, chính sách tập trung đẩy nhanh việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đã tạo điều kiện cho việc cải tạo, nâng cấp các trạm bơm điện cũng như các công trình cứng hóa kênh mương ...

- Ban lãnh đạo Công ty không ngừng tìm kiếm việc làm, đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nghiệp vụ trong công tác chuyên môn, mở các lớp tập huấn cho cán bộ, công nhân lao động về công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi; luôn bám sát cơ sở, chỉ đạo sát sao, phân công lao động hợp lý, hợp tình, đúng người, đúng việc, đúng vị trí.

- Tập thể cán bộ, công nhân lao động trong Công ty luôn giữ vững được truyền thống đoàn kết, yêu ngành, yêu nghề; có trình độ chuyên môn vững vàng, yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty.

Ban giám đốc Công ty thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quy định của Điều lệ, cùng sự nỗ lực, đoàn kết quyết tâm cao của tập thể cán bộ, công nhân lao động trong toàn Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

b) Khó khăn:

Trong năm qua do ảnh hưởng của dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Cô rô na (Covid-19) gây ra đã ảnh hưởng không nhỏ tới mọi hoạt động của Công ty.

Trong 03 năm qua thời tiết diễn biến tương đối phức tạp, nắng nóng kéo dài, mưa lũ thất thường, trong khi giá cả sinh hoạt tăng, giá điện, xăng, dầu, vật liệu tăng, nhiều biến động, ảnh hưởng lớn đến công tác phục vụ tưới, tiêu và đời sống người lao động.

Trong những năm qua Công ty đã tiếp nhận cơ bản các công trình thủy lợi được bàn giao từ địa phương sang Công ty quản lý. Qua tiếp nhận, nhiều công trình đã xuống cấp trầm trọng, kênh mương bị nông đầy, bờ kênh bị sạt lở, chỉ giới hành lang bảo vệ công trình bị lấn chiếm, các trạm bơm điện được đầu tư xây dựng quá lâu, không được duy tu, sửa chữa thường xuyên dẫn đến hỏng hóc quá nhiều, tiêu thụ điện năng quá lớn không đảm bảo cho việc vận hành. Để đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời, phục vụ sản xuất, công ty đã xây dựng các phương án phân vùng tiêu nước cụ thể, chuẩn bị 08 máy bơm dầu dự phòng, tổ chức thường trực và vẫn phải duy tu sửa chữa trong khi nguồn kinh phí của Công ty có hạn.

Việc phát triển các khu công nghiệp, dự án trên địa bàn huyện làm phá vỡ quy hoạch hệ thống các công trình, làm mất tác dụng của một số công trình thủy lợi, tạo ra những vùng đất bị kẹp, cô lập, gây nhiều khó khăn cho công tác điều hành tưới nước và tiêu thoát nước đặc biệt là trong mùa mưa bão; việc xả nước thải, chất thải... xuống các công trình thủy lợi ngày càng nhiều đã làm ô nhiễm nguồn nước.

Việc giá cả vật tư, phụ tùng máy móc thiết bị tăng cao trong khi kinh phí ngân sách cấp trợ giá dịch vụ thủy lợi lại không ổn định, không tăng so với những năm trước đã ảnh hưởng đến chi phí và hoạt động sản xuất của Công ty.

Trong 03 năm qua việc thanh quyết toán, tạm ứng kinh phí cho Công ty còn chậm, chưa kịp thời.

5. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Với những đặc thù riêng của Công ty, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện những việc sau:

- Phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh khác mà Công ty có lợi thế như việc thi công xây dựng, tư vấn thiết kế, kỹ thuật, giám sát thi công các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu sản xuất kinh doanh từ phục vụ sản xuất nông nghiệp là chính như hiện nay sang sản xuất kinh doanh cung cấp nước thô phục vụ sản xuất công nghiệp, xây dựng, du lịch... để dần nâng cao tỷ trọng doanh thu hàng năm.

- Nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống, quản lý vận hành công trình, chống xuống cấp; bảo vệ và từng bước nâng cao chất lượng nguồn nước, chống ô nhiễm, ngăn chặn những tác nhân gây ô nhiễm nguồn nước của hệ thống; chủ động ứng phó với những biến đổi khí hậu, thiên tai, xâm nhập mặn...

- Áp dụng các cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới để quản lý, khai thác, vận hành công trình, nghiên cứu cải tiến để vận hành công trình bằng máy móc thiết bị, hạn chế tối đa vận hành bằng thủ công, dần thay thế sức lao động của con người mà vẫn đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

- Đối với các cụm thủy lợi trực thuộc cần phối hợp chặt chẽ với các thôn, xã, nơi có công trình thủy lợi, để quản lý, khai thác và bảo vệ hiệu quả các công trình. Đẩy mạnh công tác cấp nước thô cho các nhà máy nước và khu công nghiệp nhằm tăng doanh thu tiền nước.

- Tiếp tục đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động có ý thức kỷ luật, giỏi chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với Công ty. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại thường xuyên cán bộ trẻ có năng lực trình độ để bổ nhiệm, đồng thời kiên quyết cho thôi những cán bộ có trình độ, năng lực yếu kém, vi phạm kỷ luật.

Ban hành thang, bảng lương, phụ cấp và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Tăng cường từng bước về quản lý điều hành Công ty, đặc biệt là công tác quản lý vận hành, khai thác công trình tưới, tiêu phục vụ sản xuất đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước cho các nhà máy nước sạch, các nhà máy nước mini, cho khu công nghiệp cũng như phục vụ nhu cầu dân sinh kinh tế của huyện Vĩnh Bảo.

- Tập thể cán bộ, công nhân lao động tăng cường kỷ luật lao động, thực hiện văn hóa doanh nghiệp, từng cán bộ, nhân viên nỗ lực, nâng cao trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công tác, khắc phục những yếu kém, tồn tại trong công việc, nâng cao chất lượng tham mưu và nghiệp vụ quản lý, chung sức đồng lòng đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn để tồn tại và phát triển.

- Chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đảm bảo mọi chế độ của người lao động theo đúng quy định. Xây dựng các tập thể lao động thực sự đoàn kết, thống nhất, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ chung.

II. Tình hình đầu tư tại các công ty con

Công ty không có các công ty con.

Phụ lục số: 01

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020
1	Sản xuất chủ yếu					
1.1	Diện tích tưới	ha	26.652	22.039	21.969	21.890,65
1.2	Cung cấp nước thô	m ³	1.917.562	2.138.000	2.739.804	2.400.000
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	32.530	31.701	33.345	32.224
2.1	Cấp bù do miễn thủy lợi phí	Tr.đ	30.704	29.202	29.801	29.761
2.2	Khai thác tổng hợp	Tr.đ	1.826	2.499	3.544	2.160
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	118	130	227	200
4	Nộp ngân sách	Tr.đ	254	279	520	399
5	Sản phẩm dịch vụ công ích	ha	26.652	22.039	21.969	21.890,65
6	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tr.đ	7.980	17.574	13.752,5	10.000
6.1	Nguồn ngân sách	Tr.đ	6.659	17.574	12.728,5	10.000
6.2	Vốn khác	Tr.đ	1.321	0	1.024	0
7	Tổng lao động	Người	184	195	195	205
8	Tổng quỹ lương	Tr.đ	13.309	12.619,6	14.042,8	15.844,92
8.1	Quỹ lương quản lý	Tr.đ	1.284	1.100	1.056	1.572
8.2	Quỹ lương lao động	Tr.đ	12.025	11.519,6	12.986,8	14.272,92

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Lê Minh Tân